

Bản án số: 19/2026/HS-ST

Ngày: 20 - 5 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - TUYÊN QUANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ma Ngọc Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Quang Quý và bà Đàm Thị Yên.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lương Khánh Linh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 18/2026/TLST-HS, ngày 23 tháng 4 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2026/QĐXXST-HS, ngày 06 tháng 5 năm 2026 đối với bị cáo:

NÔNG VĂN S, sinh ngày 18/5/1977, tại **xã T, tỉnh Tuyên Quang**; Nơi cư trú: **Thôn N, xã T, Tuyên Quang**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 3/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố đẻ: **Nông Văn D**, sinh năm 1945; Mẹ đẻ: **Nông Thị L**, sinh năm 1946; Vợ: **Châu Thị P**, sinh năm 1976; Có 02 con: Con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2001.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. *Có mặt tại phiên tòa.*

- **Người bào chữa cho bị cáo **Nông Văn S**:** Ông **Ninh Hải N** - Trợ giúp viên pháp lý của **Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T**. *Có mặt tại phiên tòa.*

- **Người làm chứng:** Ông **Phùng Xuân C**, sinh năm 1989. Địa chỉ: **Thôn T, xã T, tỉnh Tuyên Quang**. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng đầu năm 2019, **Nông Văn S**, cư trú tại **thôn N, xã T, huyện L (nay là xã T), tỉnh Tuyên Quang** đến khu vực **Ven H, lòng hồ T thuộc xã T** dựng nhà bè để nuôi cá và chăn lợn. Đến giữa năm 2023, trong một lần đi thuyền trên lòng **hồ T Tuyên Quang**, **S** gặp một người đàn ông (không xác định tên, tuổi, địa chỉ) mang theo 01 khẩu súng tự chế có kích thước tổng chiều dài 115,7cm, **S** đã nảy sinh ý định mua súng về để săn bắn chim nên đã hỏi mua súng với giá 2.000.000 đồng và người đàn ông đưa cho **S** 02 viên đạn ghém, 03 vỏ đạn. Sau đó **S** mang súng, đạn về cất giấu dưới gầm ván sàn tại nhà bè. Khoảng đầu năm 2024, trong khi đi rừng gần **hồ T Tuyên Quang**, **S** gặp 01 nam thanh niên (không xác định tên, tuổi, địa chỉ) có mang theo 01 khẩu súng nén hơi có kích thước tổng chiều dài 85,8cm, thấy đẹp nên **S** đã hỏi mua thì nam thanh niên đồng ý bán 01 khẩu súng nén hơi và 120 viên đạn chì hình nấm với giá 3.000.000 đồng, **S** mang súng, đạn về cất giấu dưới gầm ván sàn tại nhà bè. Đến khoảng giữa năm 2025, trong quá trình đi tìm lợn trên rừng gần **hồ T Tuyên Quang**, **S** nhìn thấy 02 khẩu súng tự chế (có kích thước tổng chiều dài lần lượt là 114,4cm và 93cm) để ở cạnh một gốc cây (không xác định được của ai), **S** đã cầm 02 khẩu súng kíp về cất giấu cùng với 02 khẩu súng, đạn đã mua trước đó tại nhà bè của mình.

Khoảng 21 giờ 30 phút, ngày 20/12/2025, sau khi nhận được tin báo của quần chúng nhân dân, Tổ công tác của **Công an xã T**, tỉnh Tuyên Quang đến nhà bè gặp **S** để tuyên truyền, vận động giao nộp súng, đạn, tuy nhiên **S** không thừa nhận việc tàng trữ súng, đạn nên Tổ công tác đã tiến hành kiểm tra và phát hiện Sắp tàng trữ 01 khẩu súng hơi khí nén, 03 khẩu súng tự chế, 120 viên đạn chì hình nấm, 02 viên đạn tự chế và 03 vỏ đạn nên đã tạm giữ toàn bộ tang vật.

- Tại Kết luận giám định số 93/KL-KTHS, ngày 09/01/2026 của **Phòng K Công an tỉnh T**, kết luận:

1. Xác định loại súng:

- Mẫu vật S1 gửi giám định là súng nén khí sử dụng bình khí nén khí, cỡ nòng 4,0mm đã được lắp ghép các bộ phận với nhau; súng có đầy đủ linh kiện cơ bản gồm thân súng, bộ phận cò thuộc vũ khí quân dụng được quy định tại điểm e, khoản 2 điều 2 theo Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024 về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ. Tại thời điểm giám định, thao tác không lắp đạn thấy súng hoạt động bình thường.

- Mẫu vật S2 gửi giám định là súng bắn đạn ghém không tự động, cỡ nòng 32, thuộc Vũ khí quân dụng theo Phụ lục 1 “Danh mục vũ khí quân dụng” Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng **Bộ C1**. Tại thời điểm giám định, súng có thể sử dụng được.

- Mẫu vật S3, S4 gửi giám định có hình dáng và cấu tạo phù hợp với loại súng bắn đạn ghém không tự động; súng có các bộ phận cơ bản gồm thân súng, bộ phận cò thuộc vũ khí quân dụng được quy định tại điểm e, khoản 2 điều 2 theo Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024 về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ. Thời điểm giám định không có loại đạn có kích cỡ phù hợp để thực nghiệm nên không tiến hành bắn thực nghiệm được; thao tác không lắp đạn thấy các bộ phận hoạt động bình thường.

2. Xác định loại đạn:

- Mẫu vật Đ1 giám định là đạn chì hình nấm cỡ 5,5mm là loại đạn sử dụng cho các loại súng nén hơi, nén khí thuộc Vũ khí quân dụng theo Phụ lục 1 “Danh mục vũ khí quân dụng” Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ C1. Mẫu vật Đ1 không sử dụng được cho mẫu vật S1, S2, S3, S4.

- Mẫu vật Đ2 gửi giám định là đạn sử dụng cho các loại súng bắn đạn ghém cỡ 32 thuộc Vũ khí quân dụng theo Phụ lục 1 “Danh mục vũ khí quân dụng” Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ C1. Mẫu vật Đ2 có thể sử dụng được cho mẫu vật S2 gửi giám định, không sử dụng được cho mẫu vật S1, S3, S4 do kích cỡ không phù hợp và không đúng chủng loại.

3. Xác định vỏ đạn:

Mẫu vật Đ3 gửi giám định là vỏ của đạn ghém tự chế cỡ 32, đạn sử dụng cho các loại súng bắn đạn ghém, loại đạn thuộc vũ khí quân dụng.

Cáo trạng số 35/CT-VKSTQ-P2, ngày 22 tháng 4 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang truy tố bị cáo Nông Văn S về tội *Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng* quy định tại khoản 1 Điều 304 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nông Văn S về tội danh, điều luật như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 304, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

- Tuyên bố: Bị cáo Nông Văn S phạm tội: “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*”.

- Xử phạt bị cáo Nông Văn S từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 20/5/2026.

Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

- Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

- Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu giao cho **Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh T** tiếp nhận, xử lý theo thẩm quyền đối với:

+ 01 khẩu súng tự chế có kích thước tổng chiều dài 115,7cm, có nòng súng dài 74cm, báng súng dài 38cm.

+ 01 khẩu súng nén hơi, kích thước tổng chiều dài 85,8cm, có lắp ống giảm thanh dài 27,3cm, bình hơi dài 37,6cm, ống ngắm dài 31,5cm.

+ 01 khẩu súng tự chế có kích thước tổng chiều dài 114,4cm, có nòng súng dài 75,2cm, báng súng dài 37 cm.

+ 01 khẩu súng tự chế có kích thước tổng chiều dài 93cm, có nòng súng dài 57,6cm, báng súng kích thước dài 34,1 cm.

+ 120 viên đạn chì hình nấm; 03 vỏ đạn bằng kim loại; 02 viên đạn tự chế (trong đó 02 viên đạn tự chế đã sử dụng để bắn thực nghiệm).

Người bào chữa cho bị cáo **Nông Văn S** đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức và hiểu biết pháp luật còn hạn chế, là lao động chính trong gia đình, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 38, 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo mức án thấp nhất của khung hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị, cho bị cáo được hưởng án treo; không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo và miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo **Nông Văn S** thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì, nhất trí với ý kiến của người bào chữa; không có ý kiến gì tranh luận và cũng không có ý kiến gì để bào chữa cho hành vi phạm tội của mình. Bị cáo nói lời sau cùng nhận thức được hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra **Công an tỉnh T**, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Người bào chữa thực hiện đúng, đủ quyền nghĩa vụ của

người bào chữa. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người bào chữa đã thực hiện đều hợp pháp, phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo **Nông Văn S** thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình; lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận:

Nông Văn S, cư trú tại **thôn N, xã T, huyện L (nay là xã T), tỉnh Tuyên Quang** đã thực hiện hành vi tàng trữ trái phép 04 khẩu súng (01 khẩu súng tự chế có kích thước tổng chiều dài 115,7cm, có nòng súng dài 74cm, báng súng dài 38cm; 01 khẩu súng nén hơi, kích thước tổng chiều dài 85,8cm, có lắp ống giảm thanh dài 27,3cm, bình hơi dài 37,6cm, ống ngắm dài 31,5cm; 01 khẩu súng tự chế có kích thước tổng chiều dài 114,4cm, có nòng súng dài 75,2cm, báng súng dài 37 cm; 01 khẩu súng tự chế có kích thước tổng chiều dài 93cm, có nòng súng dài 57,6cm, báng súng kích thước dài 34,1 cm); 120 viên đạn chì hình nấm; 03 vỏ đạn bằng kim loại; 02 viên đạn tự chế đều là vũ khí quân dụng.

Như vậy, hành vi của bị cáo **Nông Văn S** đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*" quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người dân tộc thiểu số, cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về quản lý vũ khí quân dụng. Bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội là hành vi bị cấm nhưng vẫn cố tình cất giấu cho việc săn bắn cá nhân, tiềm ẩn nguy cơ gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Tuy nhiên, bị cáo là dân tộc thiểu số cư trú tại xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật hạn chế, tàng trữ súng kíp, súng tự chế với mục đích để săn bắn, chưa sử dụng các loại vũ khí này. Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú ổn định rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và việc cho hưởng án treo không nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội,

đủ điều kiện áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự 2015 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo. Vì vậy, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà cho bị cáo được hưởng án treo, đồng thời ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục và làm gương phòng ngừa tội phạm chung. Mức hình phạt cần áp dụng trong phạm vi đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang tại phiên tòa là phù hợp, có căn cứ.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo là dân tộc thiểu số cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về vật chứng: Đối với 01 khẩu súng tự chế có kích thước tổng chiều dài 115,7cm, có nòng súng dài 74cm, báng súng dài 38cm; 01 khẩu súng nén hơi, kích thước tổng chiều dài 85,8cm, có lắp ống giảm thanh dài 27,3cm, bình hơi dài 37,6cm, ống ngấm dài 31,5cm; 01 khẩu súng tự chế có kích thước tổng chiều dài 114,4cm, có nòng súng dài 75,2cm, báng súng dài 37 cm; 01 khẩu súng tự chế có kích thước tổng chiều dài 93cm, có nòng súng dài 57,6cm, báng súng kích thước dài 34,1 cm; 120 viên đạn chì hình nấm; 03 vỏ đạn bằng kim loại; 02 viên đạn tự chế (trong đó 02 viên đạn tự chế đã sử dụng để bắn thực nghiệm) là vật chứng vụ án, thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành sử dụng, nên cần tịch thu. Vì vậy cần tịch thu và giao cho Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh T tiếp nhận, xử lý theo quy định.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo Nông Văn S là người dân tộc thiểu số, cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn đề nghị miễn án phí, nên miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nông Văn S và bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[8] Về vấn đề khác:

- Đối với hành vi mua bán súng của Nông Văn S xảy ra trước ngày 01/01/2025, do hành vi không cấu thành tội phạm và đã hết thời hiệu xử lý vi phạm hành chính; Hành vi chiếm đoạt súng của Nông Văn S do không xác định được chủ hai khẩu súng nên không đề cập xử lý.

- Đối với Phùng Xuân C, có thời gian ở cùng Nông Văn S trong nhà bè, nhưng không biết việc S có súng, đạn và cất giấu trong nhà bè nên không đề cập xử lý.

- Đối với Châu Thị P là vợ của Nông Văn S nhưng không sinh sống với Nông Văn S trong nhà bè, không biết việc S có súng, đạn và cất giấu trong nhà bè nên không đề cập xử lý.

Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Nông Văn S** phạm tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”.

2. Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 304, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Nông Văn S** 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 20/5/2026.

Giao bị cáo **Nông Văn S** cho Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Tuyên Quang nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 63 Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ:

Tịch thu và giao cho **Bộ chỉ huy quân sự tỉnh T** tiếp nhận, xử lý: 01 khẩu súng tự chế có kích thước tổng chiều dài 115,7cm, có nòng súng dài 74cm, báng súng dài 38cm; 01 khẩu súng nén hơi, kích thước tổng chiều dài 85,8cm, có lắp ống giảm thanh dài 27,3cm, bình hơi dài 37,6cm, ống ngậm dài 31,5cm; 01 khẩu súng tự chế có kích thước tổng chiều dài 114,4cm, có nòng súng dài 75,2cm, báng súng dài 37 cm; 01 khẩu súng tự chế có kích thước tổng chiều dài 93cm, có nòng súng dài 57,6cm, báng súng kích thước dài 34,1 cm; 120 viên đạn chì hình nấm; 03 vỏ đạn bằng kim loại; 02 viên đạn tự chế (trong đó 02 viên đạn tự chế đã sử dụng để bắn thực nghiệm).

*Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan An ninh điều tra **Công an tỉnh T** với Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3-Tuyên Quang ngày 07/5/2026.*

4. Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 136, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo **Nông Văn S**; Bị cáo **Nông Văn S** được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Sở tư pháp tỉnh Tuyên Quang;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- VKSND khu vực 3-Tuyên Quang;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Thượng Lâm;
- Người tham gia tố tụng;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu.

Ma Ngọc Trung